

Cát Bi, ngày 10 tháng 10 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính Phủ

I/ Thời gian: 8 giờ 30 phút ngày 10 tháng 10 năm 2024

II/ Địa điểm: Văn phòng Trường Tiểu học Cát Bi

III/ Thành phần:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/C Nguyễn Thị Phương | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/C Hoàng Thị Hạnh Lam | - Chủ tịch công đoàn trường |
| 3. Đ/C Trần Thị Minh Ngọc | - Phó hiệu trưởng |
| 4. Đ/C Nguyễn Thị Hằng | - Trưởng Ban Thanh tra nhân dân |
| 5. Đ/C Vũ Thị Thu Hiền | - Kế toán |
| 6. Bà Vũ Thị Thủy Giang | - Văn thư -Thư ký. |

IV/ Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của trường Tiểu học Cát Bi, cụ thể như sau:

- Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/10/2029

3. Địa điểm công khai: Cổng thông tin điện tử của nhà trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để tổng hợp và giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ cùng ngày với sự nhất trí của 100% thành viên tham dự.

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH CD

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thủy Giang

Hoàng Thị Hạnh Lam

Nguyễn Thị Phương

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 1

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 2

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 3

Trần Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thị Hằng

Vũ Thị Thu Hiền

Đơn vị: Trường Tiểu học Cát Bi

Chương: 622

DỰ TOÁN TIẾT KIỆM 5% CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND quận Hải An)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán tiết kiệm 5%
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	88.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	88.000.000
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	88.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	88.000.000
	- Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/08/2024 của Chính phủ	88.000.000
	- Chi thường xuyên	18.000.000
	- Chi cải tạo sửa chữa các công trình	70.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Cát Bi, ngày 10 tháng 10 năm 2024



Nguyễn Thị Phương

Số : 2054/QĐ- UBND

Hải An, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo
Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 3508/STC-QLNS ngày 13/8/2024 của Sở Tài chính Hải Phòng về việc triển khai Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc giao dự toán thu – chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, đơn vị, trường học, Ủy ban nhân dân các phường;

Căn cứ tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn quận;

Theo đề nghị của phòng Tài chính- Kế hoạch quận Hải An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên là 1.802 triệu đồng, bao gồm:

1. Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên từ nguồn ngân sách Nhà nước là 1.708 triệu đồng, trong đó:

- Khối quận : 1.488 triệu đồng
- Khối phường : 219 triệu đồng

2. Kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại là: 95 triệu đồng, trong đó:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng : 56 triệu đồng
- Trung tâm phát triển quỹ đất : 39 triệu đồng

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao các phòng ban, đơn vị, trường học, Ủy ban nhân dân các phường và các đơn vị có nguồn kinh phí tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 119/NQ-CP căn cứ Quyết định thực hiện số cắt giảm và tiết kiệm chi thường xuyên đơn vị mình, đảm bảo điều hành chi ngân sách những tháng còn lại trong năm 2024 theo đúng quy định.

2. Đối với các đơn vị chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 119/NQ-CP.

3. Giao Kho bạc Nhà nước Hải An thực hiện kiểm soát chi theo quy định

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Hải An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, Hiệu trưởng các nhà trường và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND quận;
- Các PCT UBND quận;
- Như Điều 3;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Đình Ôn



TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM 5% CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGUỒN NSNN NĂM 2024
(Chi tiết các đơn vị - khối quận)

(Kèm theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng dự toán sau khi trừ tiết kiệm đầu năm	Kinh phí xác định tiết kiệm 5%			Tổng số tiết kiệm 5% chi TX			Ghi chú
			Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi cải tạo sửa chữa các công trình	Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi cải tạo, sửa chữa các công trình	
I	Chi thường xuyên từ nguồn NSNN	343.085	29.763	11.608	9.439	1.488	565	967	
1	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	198.145	11.241	5.341	7.100	562	267	355	
a	Sự nghiệp giáo dục	193.739	12.391	5.291	7.100	560	265	355	
1	Trường mầm non Đằng Lâm	8.267	1.736	236	1.500	87	12	75	
2	Trường mầm non Đằng Hải	7.690	1.415	215	1.200	11	11	60	
3	Trường mầm non Đông Hải 1	6.144	181	181	-	9	9	-	
4	Trường mầm non Đông Hải 2	5.639	218	218	-	11	11	-	
5	Trường mầm non Nam Hải	5.108	174	174	-	9	9	-	
6	Trường mầm non Tràng Cát	6.115	1.209	209	1.000	60	10	50	
7	Trường mầm non Thành Tô	4.095	147	147	-	7	7	-	
8	Trường mầm non Cát Bi	6.684	720	220	500	36	11	25	
9	Trường tiểu học Đằng Lâm	14.192	1.608	408	1.200	80	20	60	
10	Trường tiểu học Đằng Hải	12.868	343	343	-	17	17	-	
11	Trường tiểu học Đông Hải 1	10.788	295	295	-	15	15	-	
12	Trường tiểu học và THCS Đông Hải 2	7.712	520	220	300	26	11	15	
13	Trường tiểu học Nam Hải	8.818	104	104	-	5	5	-	
14	Trường tiểu học Tràng Cát	7.082	191	191	-	10	10	-	
15	Trường tiểu học Thành Tô	6.150	124	124	-	6	6	-	
16	Trường tiểu học Cát Bi	12.348	1.758	358	1.400	88	18	70	
17	Trường THCS Đằng Lâm	9.381	296	296	-	15	15	-	
18	Trường THCS Đằng Hải	8.924	239	239	-	12	12	-	
19	Trường THCS Đông Hải	11.581	347	347	-	17	17	-	
20	Trường THCS Nam Hải	4.476	142	142	-	7	7	-	
	Trường THCS Tràng Cát	6.774	132	132	-	7	7	-	
	Trường THCS Lê Lợi	13.599	492	492	-	25	25	-	

STT	Đơn vị	Tổng dự toán sau khi trừ tiết kiệm đầu năm	Kinh phí xác định tiết kiệm 5%			Tổng số tiết kiệm 5% chỉ TX			Ghi chú
			Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi cải tạo sửa chữa các công trình	Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi cải tạo, sửa chữa các công trình	
	Chi ASXH	4.653	-		-	-	-	-	
	Nhiệm vụ GD	468	-		-	-	-		
	Lương + khác	4.183	-		-	-	-		
b	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	4.406	50	50	(0)	2	2	-	
1	TT GDNN & GDTX	2 784	21	21	-	1	1		
2	Trung tâm chính trị	622	29	29		1	1		
	Mua sắm sửa chữa và NV	1.000	(0)			(0)			
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ								
1	Đơn vị....								
3	Quốc phòng, an ninh và TTATXH	10.172	228	228		11	11		
a	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.920	201	201	-	10	10	-	
1	Công an	615	114	114		6	6		
2	Chi công tác an ninh và PCCC	1.305	87	87		4	4		
b	Chi quốc phòng	8.252	27	27		1	1		
1	Ban chỉ huy quân sự	8.252	27	27		1	1		
2	...								
4	Chi y tế, dân số và gia đình	20.756	-			-			
1	Bảo hiểm xã hội	20.639	-						
2	Nhiệm vụ YTDS	117	-						
5	Chi văn hóa - thông tin	3.553	1.815	476	1.338	91	24	67	
1	Trung tâm văn hoá Thông tin và Thể thao	1.612	476	476		24	24		
2	Sửa chữa nhà VH + NV	1.941	1.338		1.338	67	-	67	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	450	78	78	-	4	-	-	
1	Trung tâm văn hoá Thông tin và Thể thao	450	78	78		4			
2	...								
7	Chi thể dục - thể thao	986	222	222	-	11	-	-	
1	Trung tâm văn hoá Thông tin và Thể thao	986	222	222		11			
2	...								
8	Chi bảo vệ môi trường	1.530	508	58	450	25	3	23	
1	Văn phòng HĐND - UBND	22							